



QUÁI VẬT ĐẢO JEKYLL (CH. 8): SỰ RA ĐỜI TIỀN GIẤY VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Nguồn: G. Edward Griffin, "Fool's Gold", in G.E. Griffin, *The Creature from Jekyll Island: A Second Look at the Federal Reserve* (5th Edition) (California: American Media, 2010), Chapter 8.

Biên dịch: Phạm Thị Trang | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Nội dung chính: Lịch sử tiền giấy – loại tiền không được đảm bảo ngang giá trị với kim loại quý và công chúng bị ép buộc sử dụng bằng quy định luật của chính phủ; sự xuất hiện của hoạt động ngân hàng dựa trên dự trữ theo tỷ lệ ngày nay vốn dựa vào việc phát hành một số lượng lớn các biên lai cho vàng nhiều hơn số lượng vàng mà ngân hàng nắm giữ để đảm bảo cho chúng.

Phần trước chúng ta đã phân chia khái niệm tiền thành bốn loại: tiền hàng hóa (commodity money), tiền biên nhận (receipt money), tín tệ (fiat money - tức tiền giấy) và tiền tỷ lệ (fractional money). Trong chương trước chúng ta đã xem xét tiền hàng hóa và tiền biên nhận một cách chi tiết. Qua đó chúng ta cũng đã nắm được các quy luật tiền tệ nhất định được áp dụng bất kể dưới hình thái tiền tệ nào. Bây giờ chúng ta sẽ chuyển sang hai loại còn lại, cả hai đều in bằng giấy và là gốc rễ của hầu hết các thảm họa kinh tế của con người thời kỳ hiện đại.

Tín tệ

Từ điển *American Heritage Dictionary* định nghĩa tín tệ là "tiền giấy được phát hành theo luật, không được bảo đảm bởi vàng hay bạc." Do đó, hai đặc điểm của đồng tín tệ là: (1) nó không đại diện cho bất cứ giá trị thực nào, và (2) nó được ban

hành theo luật. Theo luật đơn giản có nghĩa là có một đạo luật yêu cầu tất cả mọi người chấp nhận nó lưu thông trong thương mại. Hai điều đó luôn luôn đi cùng nhau bởi lẽ nếu tiền thực sự không có giá trị, nó sẽ sớm bị công chúng từ chối và chuyển sang một phương tiện trao đổi đáng tin cậy hơn, chẳng hạn như đồng xu vàng hay bạc. Do đó, khi chính phủ ban hành tín tệ, họ luôn luôn công bố chúng hợp pháp thông qua các hình phạt tiền hoặc phạt tù. Cách duy nhất mà một chính phủ có thể đổi tiền giấy không có giá trị thực lấy hàng hóa và dịch vụ hữu hình là không cho những công dân của mình một sự lựa chọn nào.

Thực tiễn đáng chú ý đầu tiên của tập quán này được ghi lại bởi Marco Polo trong chuyến đi đến Trung Quốc vào thế kỷ 13. Câu chuyện về cuộc khám phá nổi tiếng này như sau:

Sở đúc tiền của Hoàng đế ở cùng Thành phố Cambaluc (*hay còn gọi là Khanbaliq, ngày nay là Bắc Kinh, Marco Polo gọi thành phố này "Cambaluc," theo tên của Khan Bhalik – Hốt Tất Liệt, có nghĩa là "Thành phố của Hoàng đế" - ND*), và khi bạn xem cái cách mà tiền được đúc thì bạn có thể thốt lên rằng Ngài sở hữu cả Kho tàng Thuật giả kim một cách hoàn hảo và điều bạn nói là hoàn toàn đúng! . . .

Phần nguyên liệu đầu vào là một loại sợi vỏ hay vỏ màu trắng mịn nằm giữa phần ruột gỗ và phần vỏ cây dày bên ngoài, sau đó làm thành một sản phẩm giống như các tờ giấy, nhưng màu đen. Khi những tờ giấy này chuẩn bị xong, chúng sẽ được cắt thành các mảnh giấy có kích thước khác nhau. Loại có kích thước nhỏ nhất có giá trị là một nửa tornesel (*một loại đồng xu bạc của châu Âu vào cuối thời Trung cổ, đầu thời kỳ hiện đại- ND*)... Ngoài ra còn có loại có giá trị một Bezant vàng, và loại khác có giá bằng ba Bezant, và có loại tương đương đến mười Bezant.

Tất cả các loại giấy tờ này được phát hành bằng nhiều nghi thức và thẩm quyền như thể chúng là vàng hay bạc thật, và trên mỗi tờ giấy đều được đóng dấu và ghi tên các vị quan khác nhau. Và khi tất cả được hợp lệ, viên chức trưởng đại diện cho Khan (*tức Hoàng đế- NBT*) nhấn con dấu mà Khan giao phó cho anh ta vào mực đỏ rồi đóng dấu lên tờ giấy, và tiền đã được xác thực. Bất kỳ một sự giả mạo nào sẽ bị trừng phạt bằng án tử hình. Và Khan tạo ra một lượng lớn tiền như thế mỗi năm, không tốn chi phí gì mà giá trị lại bằng với tất cả các kho báu trên thế giới.

Với những mẫu giấy được làm ra như tôi đã mô tả, Khan làm cho tất cả các khoản thanh toán trên tài khoản của mình được thực hiện, và khắp vương quốc của ông đều sử dụng... Và không một ai, dù có coi mình quan trọng tới cỡ nào,

dám từ chối để rước lấy cái chết. Và thực tế là tất cả mọi người đều sẵn lòng dùng chúng.¹

Chúng ta bị bất ngờ trước quyền lực táo bạo của Khan và sự quy phục của những thần dân – những người phải chịu đựng một điều trái ngang như thế, nhưng sự tự mãn của chúng ta sẽ nhanh chóng biến mất khi ta nhận ra có sự tương đồng với các tờ tiền của Cục Dự trữ Liên bang. Chúng được “trang trí” bằng các chữ ký và con dấu; kẻ nào làm giả sẽ bị trừng phạt nặng nề; chính phủ dùng chúng để chi trả các khoản chi tiêu của mình; dân chúng buộc phải chấp nhận sử dụng, và chúng – cùng những tờ tiền séc “vô hình” mà chúng có thể được chuyển thành - được sản xuất với số lượng lớn bằng tất cả lượng kho báu trên thế giới. Và chúng lại chẳng tốn chi phí gì mấy để sản xuất. Sự thật là hệ thống tiền tệ hiện thời của chúng ta là một bản sao gần như chính xác với những gì đã phục vụ cho các vị vua chúa của bảy thế kỷ trước.

Kinh nghiệm của các bang thuộc địa

Thật không may, tình hình hiện nay không phải là duy nhất trong lịch sử của chúng ta. Thực tế là sau Trung Quốc, nơi tiếp theo trên thế giới thông qua việc sử dụng các đồng tín tệ là Mỹ, cụ thể là vùng lãnh thổ Vịnh Massachusetts. Sự kiện này đã được miêu tả như là “nguồn gốc của tiền giấy không chỉ ở Mỹ, mà còn ở Đế quốc Anh, và hầu như là ở khắp thế giới Kitô giáo.”²

Năm 1690, Massachusetts (*ngày nay là bang Massachusetts và Maine - ND*) đã phát động một cuộc tấn công quân sự chống lại thuộc địa của Pháp ở Quebec. Massachusetts trước đây đã từng làm như thế, và mỗi lần như vậy đều mang về đủ các thứ của cải cướp bóc được còn nhiều hơn cả trả chi phí cho cuộc viễn chinh. Tuy nhiên, lần này, cuộc tấn công lại là một thất bại thảm hại, và những người đàn ông trở về tay không. Khi những người lính yêu cầu được trả công, chính quyền Massachusetts nhận thấy kho bạc của nó trống rỗng. Những binh sĩ bất mãn trở nên ngang bướng, vì vậy các quan chức vội vàng tìm cách để tăng kho quỹ. Thu thêm thuế sẽ cực kỳ không được lòng dân, vì vậy họ đã quyết định đơn giản là in tiền giấy. Để thuyết phục những người lính và toàn thể công dân chấp nhận loại tiền này, chính phủ đưa ra hai lời hứa long trọng: (1) chính phủ sẽ mua lại tiền giấy

¹ Xuất phát từ cuốn *Marco Polo's Travel* của Henry Thule, tái bản bởi W. Vissering, *On Chinese Currency: Coin and Paper Money* (Leiden: EJ Brill, 1877), tái bản năm 1968 bởi Ch'eng-wen Publishing Co, Đài Loan, trích dẫn bởi Anthony Sutton, *The War on Gold* (Seal Beach, California: '76 Press, 1977), pp.26-28.

² Ernest Ludlow Bogart, *Economic History of the American People* (New York: Longmans, Green and Co., 1930), p. 172.

để đổi lấy xu vàng hay bạc ngay sau khi tiền thuế đủ để làm như vậy, và (2) sẽ hoàn toàn không có bất kỳ tiền giấy bổ sung nào được ban hành. Cả hai cam kết này ngay tức khắc bị phá vỡ. Chỉ một vài tháng sau, chính quyền công bố đợt phát hành đầu tiên không đủ để trả nợ chính phủ, và một đợt phát hành mới lớn hơn gần 60 lần đợt trước được đưa vào lưu thông. Tiền đã không được mua lại trong vòng gần bốn mươi năm, rất lâu sau khi những người đưa ra lời hứa đã không còn tại chức.

Một mẫu hình cổ điển

Hầu hết các thuộc địa khác đã nhanh chóng "học hỏi" được sự kỳ diệu của máy in tiền, và lịch sử sau đó là một ví dụ điển hình về luật nhân quả: Chính phủ cố mở rộng nguồn cung tiền thông qua việc phát hành tín tệ. Đi cùng với đó là luật tín tệ để buộc công chúng chấp nhận. Tiếp đến là tiền xu vàng và bạc biến mất và đi vào các kho cất dấu của tư nhân hay đến tay các thương nhân nước ngoài - những người nhất định chỉ nhận những đồng tiền có giá trị thực để đổi lấy hàng hóa của họ. Nhiều thuộc địa bác bỏ đồng tiền trước kia của họ bằng cách phát hành các đồng tiền mới có giá trị gấp nhiều lần số tiền cũ. Và sau đó sẽ xuất hiện bất mãn chính trị và bất tuân dân sự. Vào cuối mỗi chu kỳ sẽ là lạm phát tràn lan và hỗn loạn kinh tế.

Năm 1703, Nam Carolina đã tuyên bố rằng đồng tiền của tỉnh là "một khoản thanh toán có giá trị cao và tuân theo pháp luật", rồi nói thêm rằng bất cứ ai từ chối chấp nhận loại tiền này sẽ bị phạt "gấp đôi giá trị của tờ tiền đã bị từ chối." Đến năm 1716, hình phạt đã được tăng lên đến "gấp ba lần giá trị."³

In tiền và lạm phát

Benjamin Franklin là người ủng hộ nhiệt thành tín tệ trong những năm đó và dùng sức ảnh hưởng lớn của mình để đưa ý tưởng đến công chúng. Chúng ta có thể hình dung ra sự xôn xao thời kỳ đó thông qua việc vào năm 1736, trong tờ báo *Pennsylvania Gazette* của mình, Franklin xin lỗi vì sự xuất bản không đều đặn của tờ báo, và giải thích rằng máy in đang "phục vụ xưởng in tiền, đang làm việc vì lợi

³ Trong cuốn *Statutes at Large of South Carolina*, II. 211,665, kể lại bởi George Bancroft, *A Plea for the Constitution* (xuất bản lần đầu bởi Harpers vào năm 1886. Tái bản ở Sewanee, Tennessee: Spencer Judd Publishers, 1982), p.7.

ích công chúng và để làm cho tiền dồi dào hơn".⁴ In tiền dường như là một hoạt động lớn, tiêu tốn nhiều thời gian.

Năm 1737, Massachusetts phá giá đồng tín tệ của mình xuống 66%, khiến một đô la tiền tệ mới bằng ba đô la tiền tệ cũ. Lời hứa được đưa ra là, sau năm năm, những đồng tiền mới sẽ được hoàn trả lại đầy đủ bằng bạc hoặc vàng. Và lời hứa đã không được thực hiện.⁵

Vào cuối những năm 1750, Connecticut bị lạm phát 800%. Carolinas lạm phát 900%. Massachusetts 1000%. Rhode Island 2300%.⁶ Một cách tự nhiên, tất cả những sự lạm phát này đều đi đến một kết thúc, và khi kết thúc nó đều chuyển thành giảm phát và suy thoái trầm trọng như nhau. Ngay từ giai đoạn thuộc địa người ta đã thấy rằng những sự bùng nổ và suy thoái kinh điển mà các nhà kinh tế hiện đại thích đổ lỗi cho một "thị trường tự do không được kiểm soát" thực ra là biểu hiện trực tiếp của việc mở rộng và thu hẹp tín tệ mà không tuân theo quy luật cung cầu.⁷

Đến thời điểm này, tiền kim loại đã hoàn toàn biến mất khỏi lưu thông. Một số đã được cất trong kho tài sản tư nhân, nhưng hầu hết là được xuất khẩu sang các nước khác, khiến các bang không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải sử dụng đồng tín tệ hoặc trao đổi hàng hóa. Tuy nhiên, thương nhân nước ngoài không hề quan tâm đến cả hai thứ này, và hoạt động thương mại quốc tế gần như bị dừng lại.

Trong cái rủi có cái may

Cuộc thử nghiệm với tín tệ là một tai họa với các bang thuộc địa, và cũng là cái gai trong mắt của Ngân hàng Trung ương Anh. Ngân hàng này đã sử dụng ảnh hưởng thông qua Hoàng gia Anh để cấm các bang thuộc địa đúc tiền xu của riêng mình hay thành lập các ngân hàng địa phương. Điều này có nghĩa rằng, nếu các thuộc địa muốn hưởng được sự tiện lợi của tiền giấy, họ buộc phải sử dụng các tờ tiền phát hành bởi Ngân hàng Trung ương Anh. Chẳng ai ngờ rằng chính phủ các bang thuộc địa lại sáng tạo đến mức có thể tạo ra tiền *giấy* riêng. Vì vậy, vào năm 1751, Anh bắt đầu gây áp lực buộc các thuộc địa thu hồi tất cả các đồng tiền của họ và

⁴ Leonard W. Labara, ed., *The Papers of Benjamin Franklin* (New Haven: Yale University Press, 1960), Vol. 2, p. 159.

⁵ Province Laws, II. 826, theo Bancroft, p. 14.

⁶ Ron Paul and Lewis Lehrman, *The Case for Gold* (Washington, D.C.: Cato Institute, 1982), p. 22. Also Sutton, *The War on Gold*, p. 44.

⁷ Xem Donald L. Kemmerer, "Paper Money in New Jersey, 1668-1775," *New Jersey Historical Society, Proceedings* 74 (April 1956): pp. 107-144, kể lại bởi Paul and Lehrman, *The Case for Gold*, p. 22.

rút ra khỏi lưu thông. Các thuộc địa cuối cùng cũng chấp nhận làm theo, và với giá hời. Nhờ thế, tín tệ của họ được giảm giá rất nhiều trên thị trường và chính phủ các thuộc địa có thể mua lại tiền của họ với giá rẻ như bèo.

Nghị định của Quốc hội Anh dù bị phản đối dữ dội bởi các bang, sau cùng lại là một điều hay. Tiền giấy của Ngân hàng Trung ương Anh đã không bao giờ trở thành một phương tiện trao đổi chính. Có lẽ vì đã trải qua kinh nghiệm kinh hoàng của việc sử dụng tiền giấy trước kia, các bang thuộc địa đã đem những đồng tiền vàng và bạc ít hời mà họ từng giấu đi ra lưu thông lại và trở về với một hệ thống tiền hàng hóa đích thực. Lúc đầu, những nhà tiên tri dự đoán điều này báo hiệu cho một sự suy tàn hơn nữa của nền kinh tế thuộc địa. "Không có đủ tiền" là tiếng kêu than đã quá quen thuộc. Nhưng, thực sự là có khá đủ, như chúng ta đã thấy, bất kỳ số lượng nào cũng là đủ.

Thuốc lá trở thành tiền

Trong thực tế, có một khoảng thời gian mà các hàng hóa khác được chấp nhận như phương tiện trao đổi thứ cấp. Các hàng hóa như đinh, gỗ, gạo, và rượu whisky bù đắp cho sự thiếu thốn tiền tệ, nhưng thuốc lá là phổ biến nhất. Đây là một loại hàng hóa có nhu cầu rất lớn ngay cả trong các bang thuộc địa và trong giao dịch thương mại nước ngoài. Nó có giá trị nội tại; nó không thể làm giả; nó có thể được phân chia thành hầu hết bất kỳ số lượng chuyển đổi nào và nguồn cung thuốc lá không thể được tăng lên bằng cách nào khác ngoại trừ bằng sức lao động. Nói cách khác, tiền thuốc lá được điều chỉnh bởi luật cung cầu khiến nó có sự ổn định cực kỳ về giá trị. Theo nhiều khía cạnh, đó là một loại tiền lý tưởng. Được chính thức thừa nhận là tiền ở Virginia vào năm 1642 và một vài năm sau đó ở Maryland, nhưng thuốc lá cũng được sử dụng phi chính thức trong tất cả các bang thuộc địa khác. Tính chất của thuốc lá gắn gũi với tiền tới mức đồng tín tệ trước của New Jersey - một bang không trồng cây thuốc lá - đã hiển thị hình ảnh lá cây thuốc lá trên mặt tờ tiền. Nó còn có dòng chữ: "Làm giả là Chết". Thuốc lá đã được sử dụng vào những ngày đầu nước Mỹ như một phương tiện trao đổi thứ cấp trong khoảng hai trăm năm, cho đến khi Hiến pháp mới tuyên bố rằng từ nay trở đi, tiền là đặc quyền duy nhất của chính phủ liên bang.⁸

Tuy vậy, loại tiền tệ chính tại thời điểm đó vẫn là đồng xu vàng và bạc, hay tiền kim loại - theo cách mà nó thường được gọi. Và kết quả ngay tức khắc của sự quay chuyển sang một đơn vị tiền tệ vững chắc như vậy là sự phục hồi nhanh

⁸ Galbraith, pp. 48-50.

chóng thoát khỏi tình trạng trì trệ kinh tế trước kia gây ra bởi sự bùng nổ và đổ vỡ của đồng tín tệ. Thương mại và sản xuất tăng đáng kể và điều này dẫn đến thu hút dòng vốn tiền vàng và bạc từ khắp nơi trên thế giới, lấp đầy sự thiếu hụt nhiều năm gây ra bởi những tờ tiền giấy vô giá trị. Luật cung cầu hiển nhiên được áp dụng. Trong một thời gian, Massachusetts quay trở lại dùng tiền kim loại trong khi Rhode Island vẫn dùng tín tệ. Kết quả là Newport (*thành phố ven biển thuộc Rhode Island - ND*) - vốn là trung tâm thương mại của vùng Tây Ấn – đã để việc buôn bán rơi vào tay Boston (*thành phố lớn nhất của Massachusetts - ND*) và trở thành một hải cảng vắng tanh.⁹

Sau khi các thuộc địa quay trở lại dùng tiền kim loại, giá tiền nhanh chóng có được điểm cân bằng tự nhiên của chúng và sau đó giữ vững tại điểm này ngay cả trong Chiến tranh Bảy Năm và gián đoạn thương mại xảy ra ngay trước Cách mạng.¹⁰ Không có ví dụ nào hay hơn điều này cho thực tế là hệ thống kinh tế trong cơn khốn cùng có thể và hoàn toàn phục hồi nhanh chóng nếu chính phủ không can thiệp vào quá trình chữa bệnh tự nhiên của nó.

Chiến tranh làm tiền giấy quay trở lại

Chiến tranh giành độc lập làm tất cả mọi thứ này bất ngờ dừng lại. Chiến tranh ít khi nào được tài trợ từ kho bạc hiện hữu, cũng không phải từ việc tăng thuế. Nếu các chính phủ đánh thuế vào công dân của họ để tài trợ đủ hoàn toàn cho cuộc xung đột, số tiền sẽ lớn đến nỗi đa số những người ủng hộ hăng hái nhất cho cuộc chiến sẽ mất đi sự nhiệt tình. Nhưng bằng việc tăng nguồn cung tiền một cách nhân tạo, chi phí thực sự đã bị ẩn đi. Chi phí đó vẫn được trả, hiển nhiên, nhưng thông qua lạm phát, một quá trình mà chỉ vài người biết.

Cuộc Cách mạng Mỹ cũng không phải là ngoại lệ. Để trả cái giá cho độc lập, cả Liên bang và từng bang đã tăng cường việc in tiền. Vào đầu chiến tranh năm 1775, tổng cung tiền ở mức 12 triệu đô la. Vào tháng 6 năm đó, Quốc hội lục địa (*hội nghị của các đại biểu đến từ 13 thuộc địa Bắc Mỹ - ND*) phát hành thêm 2 triệu đô la. Trước khi tiền được đưa vào lưu thông, thêm 1 triệu đô la được phê duyệt. Đến cuối năm, lại thêm 3 triệu đô la nữa. Vào năm 1776, thêm 19 triệu đô la. 13 triệu đô vào năm 1777. 64 triệu đô vào năm 1778. 125 triệu đô năm 1779. Và vẫn còn: Quân đội Lục địa cấp "giấy phép" (*tức tiền - NHD*) cho riêng họ để mua tổng số hàng tiếp tế hậu cần trị giá 200 triệu đô. Tổng cộng 425 triệu đô la trong 5 năm

⁹ Paul and Lehrman, pp. 22-23.

¹⁰ "The Colonial Monetary Standard of Massachusetts," bởi Roger W. Weiss, *Economic History Review*, No. 27, November, 1974, p.589.

so với lúc đầu 12 triệu là một mức tăng 3.500%. Và ngoài sự mở rộng cung tiền đồ sộ dựa vào chính quyền trung ương này, cần phải nhớ rằng các bang cũng đang làm chính điều tương tự. Người ta ước tính rằng chỉ trong 5 năm từ năm 1775 đến cuối năm 1779, tổng cung tiền đã tăng thêm 5000%. Ngược lại, lượng tăng thuế trong giai đoạn 5 năm chỉ là vụn vặt với số tiền chỉ có một vài triệu đô la.

Và lạm phát khổng lồ

Hiệu ứng hồ hởi đầu tiên của dòng lũ tiền mới này là sự gia tăng thịnh vượng rõ rệt, nhưng ngay sau đó là lạm phát như thể cơ chế tự phá hủy bắt đầu hoạt động. Năm 1775, tiền giấy Lục địa được đổi lấy một đô la vàng. Năm 1777, chúng được đổi cho hai mươi lăm cents. Đến trước năm 1779 - chỉ bốn năm sau khi phát hành - chúng chẳng đáng giá bằng một xu. Cụm từ "Chẳng đáng giá gì một tờ tiền giấy Lục địa – Not worth a Continental" có nguồn gốc từ giai đoạn suy thoái này. Giày dép được bán với giá 5.000 đô la một đôi. Một bộ quần áo giá một triệu đô la.

Đó là vào cái năm mà George Washington đã viết: "Một xe đầy tiền không mua được một xe lương thực."¹¹ Ngay cả Benjamin Franklin cũng bắt đầu nhìn thấy ánh sáng. Với giọng điệu mỉa mai, ông viết:

Loại tiền này - nếu chúng ta quản lý nó - sẽ là một cỗ máy tuyệt vời. Nó thể hiện chức năng của mình khi được phát hành; trả tiền và mua quần áo cho Binh lính và cung cấp Lương thực và Đạn dược; và khi chúng ta buộc phải phát hành một lượng tiền quá mức, tự nó phải trả giá bằng sự Sụt giá.¹²

Khi nói về thâm hụt chi tiêu, người ta thường nghe lời phàn nàn rằng chúng ta đang chất gánh nặng lên thế hệ tương lai bằng số tiền trả cho những gì chúng ta tận hưởng ngày hôm nay. Tại sao *không* để thế hệ tương lai giúp trả những gì cũng có lợi cho họ? Đừng bị lừa gạt. Đó là một quan niệm sai lầm được khuyến khích bởi các chính trị gia nhằm làm dịu công chúng. Khi dùng tín tệ - như các bang thuộc địa đã nhìn ra - mọi tòa nhà của chính phủ, các công trình cơ sở hạ tầng, và cả súng đại bác chiến tranh được chi trả bằng công lao động và của cải hiện tại. Những thứ này phải được xây dựng *ngày hôm nay* với lao động của *ngày hôm nay*, và những ai thực hiện công việc đó cũng phải được thanh toán *ngày hôm nay*. Đúng là chi trả *lãi suất* rơi một phần vào các thế hệ tương lai, nhưng *chi phí ban*

¹¹ Trích dẫn bởi Albert S. Bolles, *The Financial History of the United States* (New York: D. Appleton, 1896, 4th ed.), Vol. I, p. 132.

¹² Thư gửi Samuel Cooper, ngày 22/4/1779, trích bởi Albert Henry Smyth, ed., *The Writings of Benjamin Franklin*, (New York: Macmillan, 1906), Vol.VII, p. 294.

đầu phải được trả bởi con người hiện tại. Nó được trả bởi sự mất giá tiền tệ và mất sức mua của tiền lương mỗi người.

Lạm phát là một loại thuế ẩn

Tín tệ là phương tiện để các chính phủ có được sức mua ngay lập tức mà không cần đánh thuế. Nhưng sức mua đó đến từ đâu? Vì tín tệ không có giá trị hữu hình gì nên sức mua tín tệ của chính phủ chỉ có thể đạt được bằng cách lấy nó từ một nơi khác. Thực tế nó được "thu thập" từ tất cả chúng ta thông qua sự giảm sức mua của chúng ta. Do đó, sức mua giảm chính xác là giống như một loại thuế, nhưng bị ẩn đi, hoạt động trong âm thầm và ít người nộp thuế nào biết đến.

Năm 1786, Thomas Jefferson đưa ra một lời giải thích rõ ràng về quá trình này khi ông viết:

Mỗi một người khi có một tờ tiền trong tay thì bị mất ngay trên chính tờ tiền đó giá trị mà tờ tiền đó mất đi trong suốt thời gian nó nằm trong tay anh ta. Điều này thực sự là thuế đối với anh ta; và theo cách này người dân Mỹ thực sự đã đóng góp... hàng triệu đô la trong thời kỳ chiến tranh, và bằng một chế độ thuế hà khắc nhất, bất bình đẳng nhất.¹³

Kiểm soát giá cả và luật tiền pháp định ra đời

Khi giá cả tăng vọt, các nước thuộc địa ban hành quy định kiểm soát lương và giá cả giống như ngăn chặn "tiếng réo trên ấm trà" với hy vọng giữ hơi nước không thoát ra ngoài. Và khi điều này thất bại, một loạt đạo luật khắc nghiệt ra đời. Có điều luật thậm chí còn viện dẫn tội phản quốc. Điều luật quy định rằng: "Nếu bất cứ người nào để mất toàn bộ nhân cách và lòng yêu nước của mình bằng cách từ chối dùng đồng tiền nói trên để thanh toán... người đó sẽ được coi, công bố và đối xử như là kẻ thù tại Đất nước này và bị loại trừ khỏi tất cả hoạt động giao thương hay trao đổi với cư dân của các thuộc địa này."¹⁴

Rhode Island không những đánh thuế nặng những người không chấp nhận đồng tiền của bang mà còn thông qua một hình phạt *thứ cấp* tước quyền công dân

¹³ Thomas Jefferson, *Observations on the Article Etats-Unis Prepared for the Encyclopedia*, June 22, 1786, từ *Writings* (New York: G.P. Putnam's Sons, 1894), Vol. IV, p. 165.

¹⁴ David Ramsay, *History of the American Revolution* (London: Johnson and Stockdale, 1791), Vol. II, pp. 134-36.

của người đó. Khi tòa án tuyên bố đạo luật trái với hiến pháp, cơ quan lập pháp triệu các thẩm phán đến và sa thải họ một cách chóng vánh.¹⁵

Khủng hoảng kinh tế và cuộc nổi dậy bắt đầu

Nếu sự tàn phá của chiến tranh là một gánh nặng khắc nghiệt mà các bang phải chịu thì sự tàn phá của tín tệ cũng như vậy. Sau chiến tranh, lạm phát rồi tiếp theo là giảm phát quay trở lại đúng như bản chất của thị trường. Giá giảm mạnh - điều này thực sự tuyệt vời cho người mua. Nhưng đối với những thương gia đang buôn bán hoặc những người nông dân đã vay mượn rất nhiều để có được tài sản với giá lạm phát trong thời chiến, đây là một thảm họa. Giá thấp mới không đủ để cứu khoản tiền thế chấp cố định bị thổi phồng của họ, và nhiều gia đình làm việc chăm chỉ đã bị hủy hoại do tịch thu nhà. Hơn nữa, hầu hết mọi người vẫn không hiểu quá trình lạm phát, và nhiều người vẫn tiếp tục ủng hộ "liều thuốc tiền giấy". Một số bang đã bắt đầu chiều theo áp lực in tiền này và việc in tiền lại tiếp tục.

Sử gia Andrew McLaughlin nhớ lại một cảnh điển hình ở Rhode Island vào thời điểm mà một người Pháp đến thăm chứng kiến:

Một khách du lịch người Pháp qua Newport khoảng thời gian này mô tả bức tranh ảm đạm tại nơi đây: những người đàn ông đứng khoanh tay nhàn rỗi ở các góc phố; những ngôi nhà như đổng đổ nát; các cửa hàng nghèo nàn chẳng chào bán gì ngoài một vài thứ tồi tàn; ... cỏ mọc tràn lan trên đường phố; cửa sổ nhồi nhét bằng giẻ rách; ở khắp mọi nơi tràn lan sự khổ đau, vinh quang của tiền giấy và ảnh hưởng của một chính phủ tồi. Những thương gia thà đóng cửa các cửa hàng của họ còn hơn phải thanh toán bằng tiền giấy, nông dân từ các bang láng giềng không còn thèm quan tâm mang sản phẩm của họ qua nữa.¹⁶

Thất nghiệp và suy thoái kinh tế còn dẫn đến sự bùng nổ các cuộc bạo loạn và nổi dậy. Năm 1786, George Washington đã viết thư cho James Warren: "Bánh lái của chính phủ đang bị tắc và ... chúng ta đang tụt dốc vào thung lũng của sự nhầm lẫn và bóng tối."¹⁷ Hai năm sau, trong một bức thư cho Henry Knox, ông viết: "Nếu ... bất kỳ người nào đã nói với tôi rằng sẽ có một cuộc nổi loạn ghê gớm như vậy tồn

¹⁵ Merrill Jensen, *The New Nation* (New York: Vintage Books, 1950), p. 324.

¹⁶ Andrew C. McLaughlin, *The Confederation and the Constitution* (New York: Collier Books, 1962), pp. 107-08.

¹⁷ Harry Atwood, *The Constitution Explained* (Merrimac, Massachusetts: Destiny Publishers, 1927; 2nd ed. 1962), p. 3.

tại, tôi đã có thể nghĩ rằng anh ta là một người điên, một bệnh nhân phù hợp cho một nhà thương điên."¹⁸

May mắn thay, đã có một kết thúc vui vẻ cho phần trên của câu chuyện. Như chúng ta sẽ thấy trong chương sau, khi các đại biểu từ các bang tập hợp để soạn thảo Hiến pháp, dư âm của đồng tín tệ vẫn còn rất rõ rệt trong tâm trí của họ đến nỗi họ quyết định chấm dứt nó mãi mãi. Sau đó, chế độ cộng hòa mới không những phục hồi nhanh chóng mà còn trở thành niềm ghen tị kinh tế của thế giới – ít nhất là trong một khoảng thời gian - cho đến khi các thể hệ sau lãng quên bài học này. Nhưng điều đó đi hơi xa câu chuyện của chúng ta. Bây giờ, chúng ta đang giải quyết chủ đề tín tệ; và kinh nghiệm của các bang thuộc địa Mỹ là một ví dụ điển hình về những gì *luôn luôn* xảy ra khi người ta không thể cưỡng lại được tiếng gọi hấp dẫn từ tiền giấy.

Quy luật tự nhiên số 3

Chúng ta hãy tạm dừng ngay lúc này và nhìn nhận một bài học khác có từ hàng thế kỷ kinh nghiệm trước. Bài học rất rõ ràng và phổ quát và được công nhận rộng rãi trong lịch sử đến nỗi có thể được xem là quy luật tự nhiên của hành vi con người:

BÀI HỌC: Tín tệ là tiền giấy mà không được đảm bảo bởi kim loại quý và được mọi người chấp nhận sử dụng theo yêu cầu pháp luật. Tín tệ cho phép các chính trị gia tăng chi tiêu mà không cần tăng thuế. Tín tệ là nguyên nhân của lạm phát, và số tiền mà người dân bị mất theo sức mua bằng chính xác số tiền được lấy từ người dân và chuyển sang chính phủ thông qua quy trình này. Do đó, lạm phát là một khoản thuế ẩn. Thuế này hoàn toàn không công bằng bởi vì nó đánh nặng nề nhất với những người có ít khả năng trả nhất: người có thu nhập thấp và những người có thu nhập cố định. Nó cũng trừng phạt những người tiết kiệm bằng cách làm xói mòn giá trị tiền tiết kiệm của họ. Điều này tạo ra sự bất bình, luôn dẫn đến tình trạng bất ổn chính trị và mất đoàn kết quốc gia. Do đó,

QUY LUẬT: Một quốc gia phải viện đến việc sử dụng đồng tín tệ sẽ phải hứng chịu khó khăn kinh tế và chia rẽ chính trị.

¹⁸ Như trên, p. 4.

Tiền tỷ lệ

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang hình thức thứ tư và cuối cùng của tiền: một khái niệm hấp dẫn nhất được gọi là tiền tỷ lệ. Và để hiểu loại tiền này hoạt động như thế nào, chúng ta phải quay lại châu Âu và tìm hiểu tập quán của những người thợ kim hoàn đầu tiên thu phí để giữ các đồng tiền kim loại quý dùm khách hàng.

Bên cạnh những thợ kim hoàn *cất giữ* tiền xu cho khách hàng còn có một tầng lớp thương nhân khác được gọi là "scriveners" - người cho vay tiền xu. Những người thợ kim hoàn lý luận rằng họ cũng có thể hành động như những người cho vay, nhưng làm như vậy với tiền của người khác. Họ nói rằng thật là phí phạm khi tất cả những đồng xu nhàn rỗi nằm trong kho. Tại sao không cho vay và thu được lợi nhuận rồi sau đó có thể chia lại cho chính mình và cho người gửi tiền? Làm cho chúng *sinh lời*, thay vì để dính bụi. Họ học được kinh nghiệm rằng rất ít người gửi tiền muốn rút tiền cùng một lúc. Trong thực tế, rút tiền rỗng hiếm khi vượt quá mười hay mười lăm phần trăm dự trữ tiền của họ. Hầu như là hoàn toàn an toàn khi cho vay lên đến tám mươi hay thậm chí tám mươi lăm phần trăm tiền. Và do đó, những người thợ "thủ kho" bắt đầu làm môi giới cho vay thay cho người gửi tiền của họ, và các khái niệm về ngân hàng - như chúng ta biết ngày hôm nay - được sinh ra.

Đó là cách mà nhiều sách lịch sử mô tả, nhưng có nhiều thứ liên quan ở đây hơn là chỉ đơn thuần làm cho tiền nhàn rỗi hoạt động. Trước hết, chia sẻ thu nhập từ tiền lãi với chủ sở hữu tiền gửi không phải là một phần của khái niệm ban đầu. Điều đó chỉ trở thành một thông lệ nhiều năm sau đó sau khi những người gửi tiền trở nên phẫn nộ và cần được được bảo đảm lại rằng các khoản vay này là vì lợi ích của họ. Ban đầu, họ thậm chí không biết những đồng tiền của họ được đem đi cho vay. Họ chỉ ngây thơ nghĩ rằng thợ kim hoàn cho vay tiền túi của họ.

Những khoảng ký gửi không có sẵn để cho vay

Điều thứ hai chúng ta cần phải xem xét là liệu các đồng tiền trong kho quỹ có còn có sẵn cho vay không - bất kể người gửi tiền nhận hay không nhận được một phần lợi nhuận. Giả sử rằng chúng ta đang chơi bài poker tại nhà của Charlie Smith. Mỗi người đưa 20 đô la cho Charlie là người đóng vai nhân viên ngân hàng để anh ta bỏ tiền vào một cái hộp giày và đưa lại cho chúng ta hai mươi chiếc phỉnh. Điều này có nghĩa là bất cứ lúc nào chúng ta muốn về nhà, chúng ta có thể lấy lại một đồng đô la cho mỗi chiếc phỉnh chúng ta giữ tại thời điểm đó. Bây giờ chúng ta giả sử rằng anh rể của Charlie là Larry xuất hiện, không phải để chơi bài mà là để vay một số

tiền. Bởi vì có sáu người chơi và mỗi người đưa 20 đô la, có tổng cộng là 120 đô la trong hộp giày và điều này thật là hoàn hảo cho nhu cầu của Larry. Bạn có thể tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu Charlie đã quyết định đem cho vay tiền "nhàn rỗi". Tiền này không dùng để cho vay.

Charlie cũng như những người chơi khác đều không có quyền đem cho vay những đồng đô la này bởi vì chúng được giữ ký quỹ, hay có thể nói là đang chờ hoàn thành hợp đồng giữa Charlie và khách hàng của anh. Những đồng đô la này không còn được xem là tiền nữa. Chúng đã được thay thế - ít nhất là về khái niệm - bằng những chiếc phỉnh. Nếu có người nào trong chúng ta quá cảm động bởi câu chuyện của Larry đến nỗi quyết định cho anh ta mượn tiền thì chúng ta sẽ phải làm điều đó với những đồng đô la khác, hoặc đổi những chiếc phỉnh lấy những đồng đô la trong hộp giày. Tất nhiên, trong trường hợp đó, chúng ta sẽ không còn chơi trò chơi nữa. *Chúng ta không thể vừa chi tiêu, cho mượn, hoặc cho đi những khoản tiền gửi, đồng thời lại vẫn coi những chiếc phỉnh là có giá trị.*

Nếu bạn là thành viên của một tổ chức và ủy quyền cho một người bạn bỏ phiếu vắng mặt tại cuộc họp thường niên thì bạn không thể xuất hiện sau đó và bỏ phiếu bổ sung bên cạnh người được ủy quyền của mình. Tương tự như vậy, từ thuở ban đầu của hoạt động ngân hàng, các chứng chỉ tiền gửi đã được lưu hành như tiền thực tế là đại diện cho những đồng tiền kim loại. Do đó, những đồng tiền kim loại này không còn có sẵn để cho vay nữa. Giá trị tiền tệ của chúng được ấn định vào các chứng chỉ. Nếu người sở hữu chứng chỉ muốn đem đồng tiền của mình đi cho vay, họ cần phải trả lại chứng chỉ trước. Anh ta không được quyền vừa nắm giữ loại tiền giấy có thể xài được này vừa ủy quyền cho nhân viên ngân hàng cho vay số tiền đó dưới dạng tiền kim loại. *Người này không thể vừa tiêu xài, cho vay, hoặc cho đi tiền kim loại và vừa xem những chứng chỉ tiền gửi là có giá trị.*

Tất cả điều này chỉ là lẽ thường. Nhưng có một chiều hướng khác liên quan đến sự trung thực trong hợp đồng kinh doanh.

Khi các ngân hàng dùng những đồng tiền cho các khoản vay, họ đã tự đặt mình vào tình thế không có đủ tiền trong kho quỹ để hoàn tất hợp đồng khi người gửi tiền muốn lấy tiền về nhà. Nói cách khác, các hợp đồng mới được làm với nhận thức đầy đủ rằng, trong một số trường hợp nhất định, chúng sẽ bị phá vỡ. Nhưng các ngân hàng chẳng bao giờ bận tâm giải thích điều này. Vì vậy công chúng tin rằng, nếu họ chấp thuận đưa các quỹ tiền được cho là nhàn rỗi vào hoạt động, tức là họ đang giúp cho nền kinh tế và còn kiếm được một ít lợi nhuận nữa. Đó là một đề xuất hấp dẫn, và ý tưởng này lan truyền khắp nơi như cháy rừng.

Hoạt động ngân hàng dự trữ theo tỉ lệ

Hầu hết người đi vay đều muốn tiền giấy, không muốn những đồng xu cồng kềnh, do đó khi họ nhận được các khoản vay của mình, họ thường đưa ngay các đồng tiền kim loại quay lại kho cho an toàn. Sau đó họ nhận các biên lai cho những khoản ký quỹ mà như chúng ta đã thấy, được dùng trong thương mại như là tiền thật. Ngay lúc này, mọi thứ bắt đầu trở nên phức tạp. Người gửi tiền ban đầu nhận được biên lai cho tất cả số tiền mà họ gửi vào ngân hàng. Nhưng ngân hàng bây giờ phát hành các khoản vay với số tiền bằng 85% các khoản tiền gửi của họ, và những người đi vay nhận chứng từ cho cùng một số tiền. Những biên lai này là biên lai *bổ sung* bên cạnh các biên lai gốc. Điều này tạo ra giá trị chứng từ *lớn hơn* 85% so với giá trị *tiền*. Như vậy, ngân hàng *tạo ra* thêm 85% lượng tiền và đưa vào lưu thông thông qua những người đi vay. Nói cách khác, bằng cách phát hành biên lai bổ sung, các ngân hàng đã mở rộng nguồn cung tiền. Tại thời điểm này, các chứng chỉ không còn được bảo đảm 100% giá trị bằng vàng. Bây giờ chúng chỉ có giá trị bằng 54%,¹⁹ nhưng chúng được chấp nhận bởi những người dân ít đa nghi là có giá trị ngang bằng với biên lai cũ. Tuy nhiên, giá trị thực đằng sau mỗi chứng chỉ bây giờ chỉ chiếm một phần nhỏ trong giá trị bề mặt của chúng. Như vậy, biên lai đã trở thành một loại được gọi là tiền tỷ lệ (fractional money), và quá trình mà chúng được tạo ra gọi là hoạt động ngân hàng dựa trên dự trữ theo tỷ lệ (fractional-reserve banking).

Thật không may là chẳng một khiếm khuyết nào từng được giải thích. Các ngân hàng quyết định rằng tốt hơn hết là không bàn về thực tế những nơi mà công chúng có thể nghe thấy. Những sự thật này trở thành những bí mật phức tạp của những người trong nghề. Người gửi tiền không bao giờ được khuyến khích đặt câu hỏi làm thế nào các ngân hàng có thể đem tiền của họ đi cho vay mà vẫn còn có nó trong tay để trả lại cho họ trong một thời hạn cấp bách. Thay vào đó, các ngân hàng tỏ ra vẻ tôn trọng, ổn định và trách nhiệm; ăn mặc và hành động nghiêm túc nếu không nói là nghiêm khắc; xây lên những dinh thự giống như tòa nhà chính phủ và các đền thờ, tất cả là để củng cố hình ảnh giả dối về khả năng có thể thực hiện hợp đồng và trả tiền đúng hạn các theo yêu cầu.

John Maynard Keynes đã từng nói:

Một nhân viên ngân hàng "thành thạo", than ôi! không phải là người dự đoán và tìm cách tránh những nguy cơ mà là người khi thất bại, sẽ thất bại một cách hết sức bình thường và chính thống cùng với các đồng nghiệp của mình

¹⁹ Theo trích dẫn của Lever and Huhne, *Debt and Danger: The World Financial Crisis* (New York: The Atlantic Monthly, 1986), p. 42.

để không ai có thể dễ dàng đổ lỗi cho anh ta. Đây là một phần thiết yếu trong công việc kinh doanh của một ngân hàng để đảm bảo về bề ngoài, và để thể hiện sự lịch thiệp lâu đời của họ. Thực tế kéo dài của loại hình này làm cho họ trở thành loại người mơ mộng nhất và ít nhất thực tế trên đời.²⁰

Tạo ra tiền từ nợ

Chúng ta hãy lùi lại một chút và bắt đầu phân tích. Lúc đầu, các ngân hàng hoạt động như kho giữ tiền an toàn cho khách hàng. Khi ngân hàng phát hành biên lai giấy thay cho tiền kim loại, họ đã chuyển tiền hàng hóa thành tiền biên nhận. Đây là một tiện ích tuyệt vời, nhưng nó không làm thay đổi cung tiền. Con người có quyền lựa chọn trong việc sử dụng tiền kim loại hoặc tiền giấy nhưng họ không thể sử dụng cả hai. Nếu họ sử dụng đồng kim loại, biên lai sẽ không bao giờ được phát hành. Nếu họ sử dụng biên lai, tiền kim loại vẫn còn trong kho và không đưa vào lưu thông.

Khi các ngân hàng từ bỏ thông lệ này và bắt đầu phát hành biên lai cho *người đi vay*, họ đã trở thành nhà những ảo thuật. Một số người cho biết họ tạo ra tiền từ con số không, nhưng điều đó không hoàn toàn đúng. Những gì họ làm còn đáng kinh ngạc hơn nữa. Họ đã tạo ra tiền từ nợ.

Rõ ràng, đi vay nợ dễ hơn là đi đào vàng. Do đó, tiền không còn bị giới hạn bởi các quy luật cung cầu tự nhiên. Từ thời điểm này của lịch sử về sau, tiền chỉ bị giới hạn bởi mức độ khả năng của các ngân hàng trong việc hạ thấp tỉ lệ dự trữ vàng trong số tiền gửi của họ.

Từ quan điểm này, chúng ta có thể nhìn nhận lại tiền tỷ lệ và thấy rằng đây thực sự là một hình thức chuyển tiếp giữa tiền biên nhận và tín tệ. Nó có một số đặc điểm của cả hai. Khi tỷ lệ (dự trữ) càng nhỏ, thì nó càng giống tín tệ và càng khác tiền biên nhận. Cho đến khi tỉ lệ rớt cuộc bằng không thì quá trình chuyển đổi hoàn thành và tiền tỷ lệ trở thành tín tệ. Hơn nữa, không có ví dụ nào trong lịch sử mà một khi con người đã chấp nhận khái niệm tiền tỷ lệ lại không hạ thấp tỷ lệ hơn nữa cho đến khi bằng không.

Không ngân hàng nào có thể tiếp tục kinh doanh trong thời gian dài với dự trữ bằng không. Cách duy nhất để làm cho mọi người chấp nhận một đồng tiền vô giá trị như vậy là bằng sức mạnh của chính phủ. Đó là những gì luật tín tệ tập trung vào.

²⁰ 100 đơn vị vàng được chia đều thành 185 chứng chỉ. 54

Do đó, việc chuyển đổi từ tiền dự trữ theo tỷ lệ sang tín tệ đòi hỏi phải có sự tham gia của chính phủ thông qua một cơ chế được gọi là ngân hàng trung ương. Hầu hết phần còn lại của cuốn sách này sẽ dành để nghiên cứu con “Quái vật” đó, nhưng ngay bây giờ cũng có thể nói rằng sự khoan khoái khi có thể tạo ra tiền mà không cần nỗ lực của con người là cực kỳ lớn đến nỗi một khi một chất gây mê như vậy được thực hiện, không một chính trị gia hoặc ngân hàng nào có thể bỏ thói quen. Như William Sumner nhận xét: "Một người có thể nhảy ra khỏi vách đá với ý định rơi xuống nửa chừng thì sẽ dừng lại."²¹

Quy luật số 4

Và như vậy, một lần nữa, chúng ta đến với một trong những quy luật tự nhiên xuất hiện qua hàng thế kỷ trải nghiệm của con người được trình bày như sau:

BÀI HỌC: tiền tỷ lệ là tiền giấy được bảo đảm bằng các kim loại quý nhưng chỉ một phần giá trị ghi trên bề mặt. Nó lai giữa một phần tiền biên nhận và một phần tín tệ. Nói chung, công chúng không hề biết gì về sự thực này và tin rằng tiền tỷ lệ có thể được hoàn trả lại đầy đủ bất cứ lúc nào. Khi sự thật được phát hiện, theo như chu kỳ xảy ra, sẽ có dòng người đổ xô vào ngân hàng và chỉ có vài người gửi tiền đầu tiên trong dòng người có thể được thanh toán. Do tiền tỷ lệ thu được nhiều lãi cho các ngân hàng giống như vàng hay bạc, các ngân hàng rất dễ bị cám dỗ tạo ra càng nhiều càng tốt. Khi điều này xảy ra, tỷ lệ dự trữ trở nên ngày càng nhỏ đi cho đến khi giảm xuống bằng không. Do đó,

QUY LUẬT: Tiền tỷ lệ sẽ luôn chuyển thành tín tệ. Nó chính là tín tệ đang trong quá trình chuyển đổi.

Phần tổng quan và đại cương như vậy đã quá đủ rồi. Trong chương tiếp theo chúng ta sẽ xem lịch sử về quá trình này như thế nào. Và đó là một lịch sử thật đáng nhớ!

Tóm lược

Tín tệ là tiền giấy không được bảo đảm bởi kim loại quý và người dân bị ép buộc sử dụng chúng bởi pháp luật. Ghi nhận về sự xuất hiện đầu tiên của tín tệ là ở Trung Quốc vào thế kỷ 13, nhưng việc sử dụng nó trên một quy mô lớn vẫn chưa xảy ra cho đến thời kỳ thuộc địa Mỹ. Những gì đã xảy ra là một thảm họa, dẫn đến lạm phát khổng lồ, thất nghiệp, mất mát tài sản và bất ổn chính trị. Trong một khoảng

²¹ William Graham. Sumner, *A History of American Currency* (New York: Holt, 1884), p.214.

thời gian khi Ngân hàng Trung ương Anh buộc các bang thuộc địa từ bỏ đồng tín tệ của mình, thịnh vượng chung nhanh chóng xuất hiện trở lại. Chiến tranh Cách mạng mang tín tệ trở lại các bang với hậu quả nặng nề. Hỗn loạn kinh tế xảy ra khiến các chính phủ thuộc địa áp đặt kiểm soát giá và ban hành luật tín tệ khắc nghiệt, và chẳng có điều nào trong đó hiệu quả.

Tiền tỷ lệ được định nghĩa là tiền giấy được bảo đảm bằng kim loại quý nhưng chỉ cho một phần - không phải tất cả - giá trị bề mặt. Tiền tỷ lệ xuất hiện ở châu Âu khi thợ kim hoàn bắt đầu phát hành biên lai cho vàng mà không phải là của họ, và do đó chỉ có một phần nhỏ giá trị của biên lai là có thể được đổi lại thành vàng. Tiền tỷ lệ luôn chuyển thành tín tệ thuần túy.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
